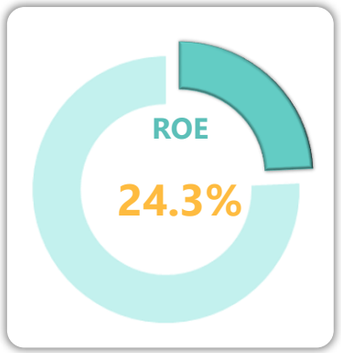
CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

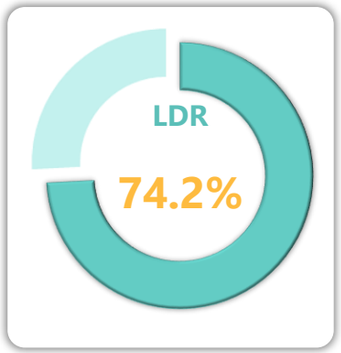
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

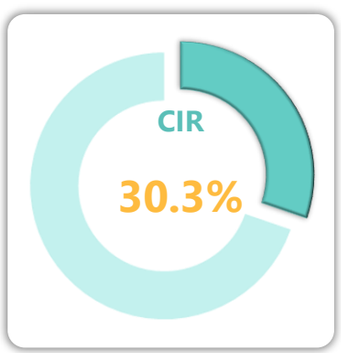
Ngày 15/01/2024	21,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	17.6%	**19.5%**	**6.4%**

Tổng thu nhập
Q4/23
5,842
tỷ VNĐ
QoQ: ▼182| -3.0%
YoY: ▲ 1,155| 24.7%

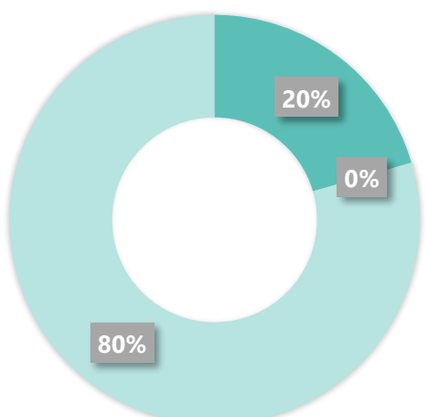
Tổng thu nhập
2023
22,160
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,102| 22.7%







Cơ cấu sở hữu



Sở hữu nước ngoài ■ Sở hữu nhà nước
Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

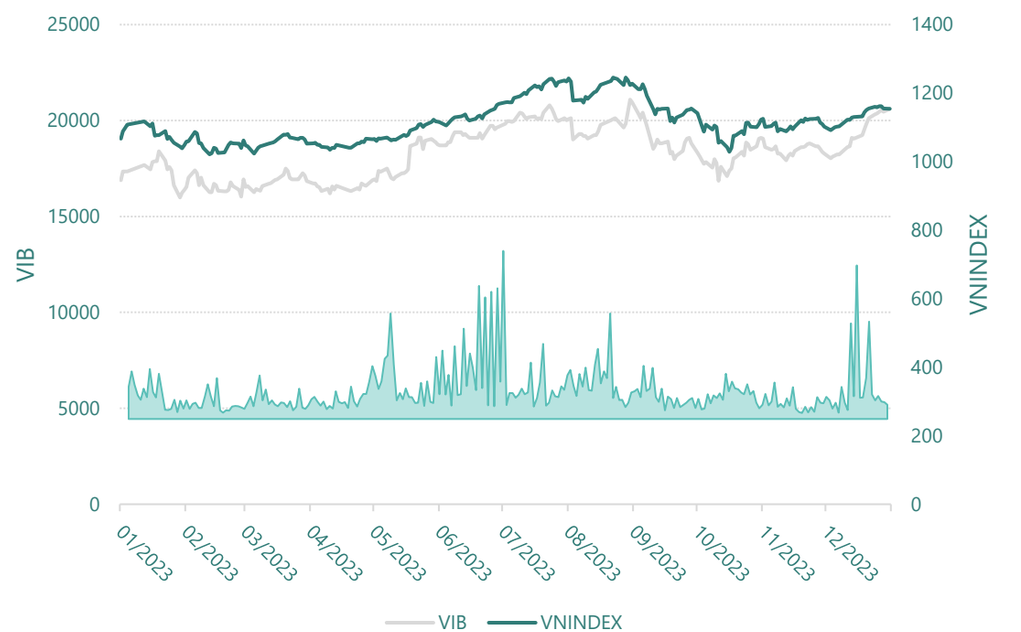
Thu nhập lãi thuần
Q4/23
4,333
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 0.3%
YoY: ▲ 422| 10.8%

Thu nhập lãi thuần
2023
17,361
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,398| 16.0%

LN sau thuế
Q4/23
1,902
tỷ VNĐ
QoQ: ▼245| -11.4%
YoY: ▼315| -14.2%

LN sau thuế
2023
8,562
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 93.0| 1.1%

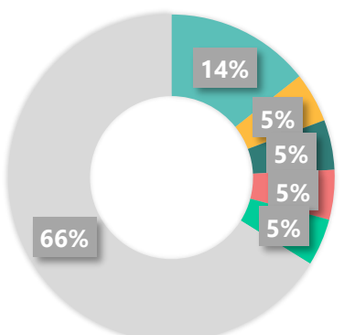
Lịch sử giá



KẾT QUẢ KINH DOANH

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,989 - 21,092
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53,780
Số lượng CPLH (CP)	2,536,807,534
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,882,075
Sở hữu nước ngoài	20.5%
Beta	1.04
EPS	3,375
P/E	5.8

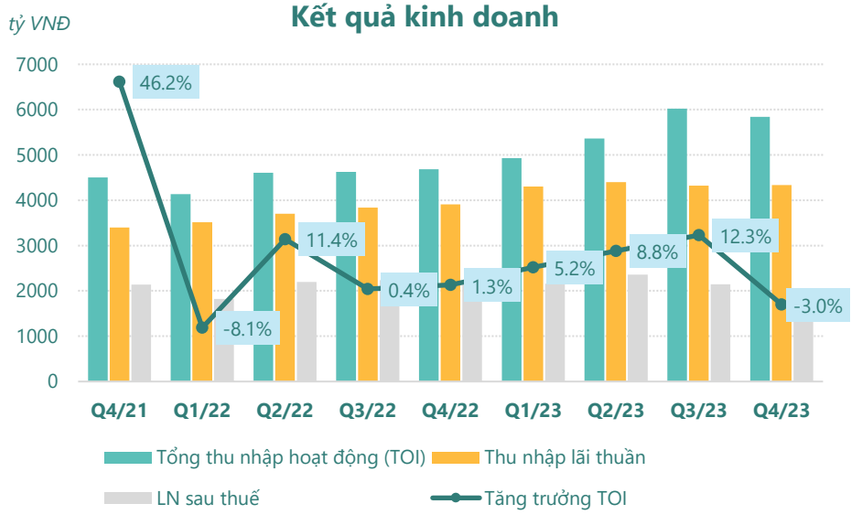
Cơ cấu cổ đông



- Commonwealth Bank Of Australia
- Đặng Khắc Vỹ (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Xuân Hoàng (Thành viên HĐQT)
- Trần Thị Thảo Hiền
- CTCP Funderra
- Khác

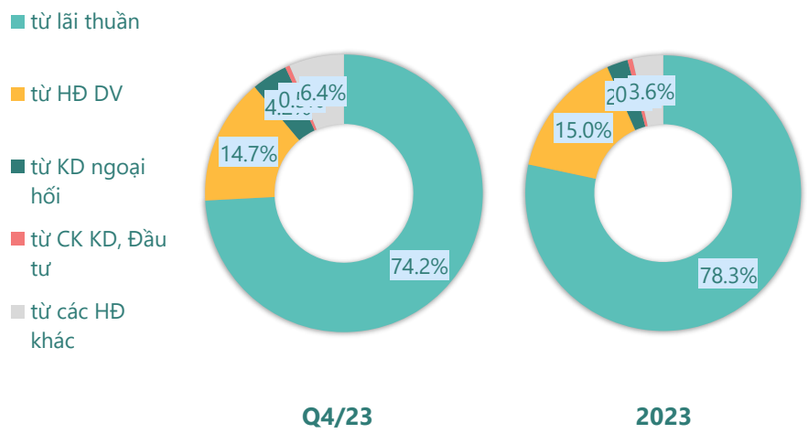
(Nguồn: fireant.vn)

Kết quả kinh doanh



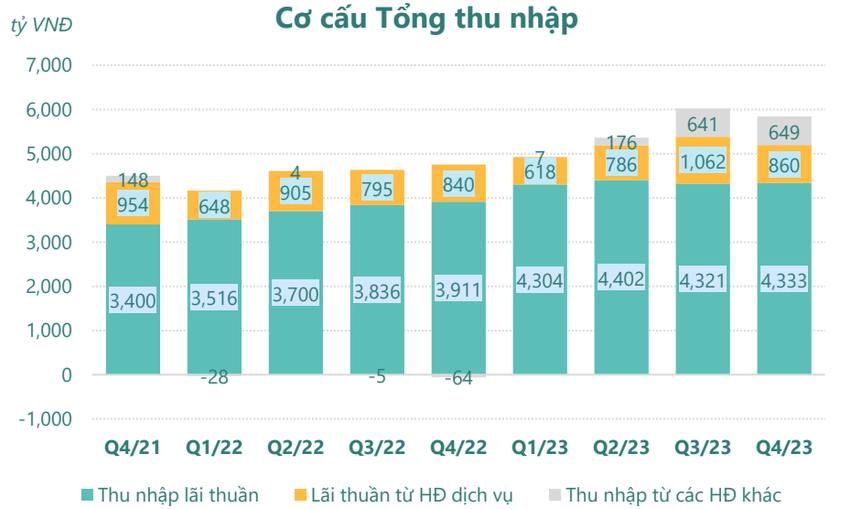
(Nguồn: fireant.vn)

Thu nhập thuần



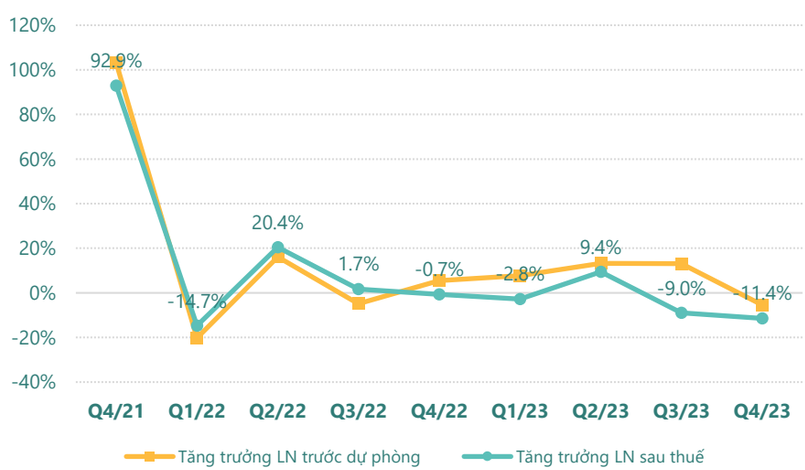
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng thu nhập



(Nguồn: fireant.vn)

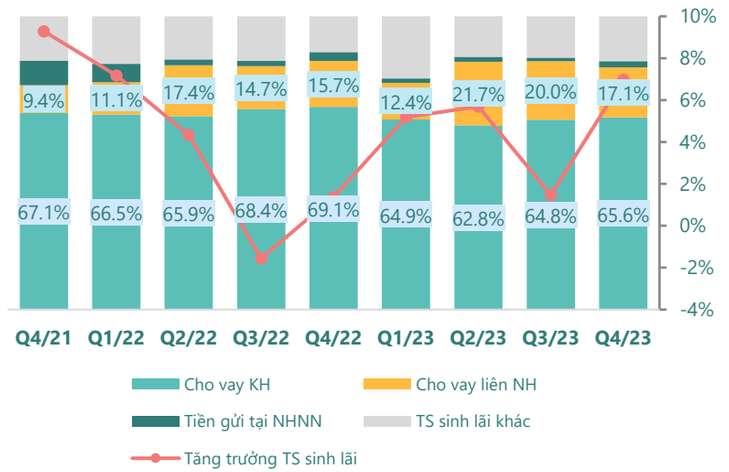
Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

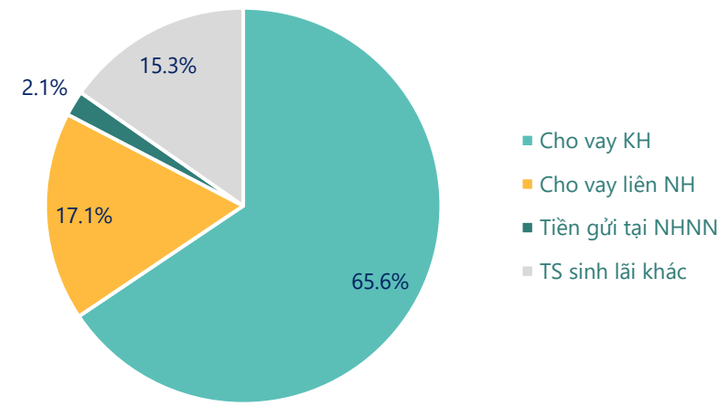
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tài sản sinh lãi



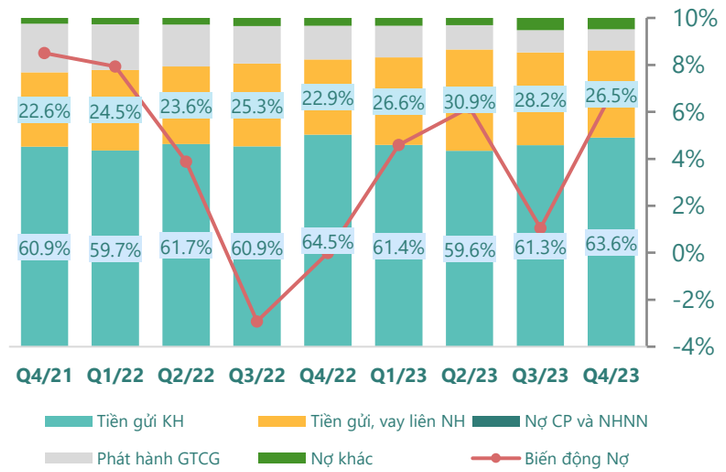
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản sinh lãi



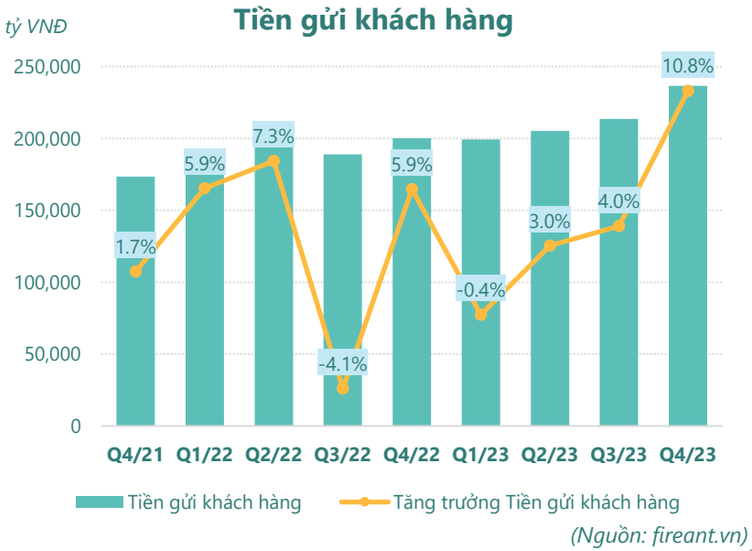
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Nợ



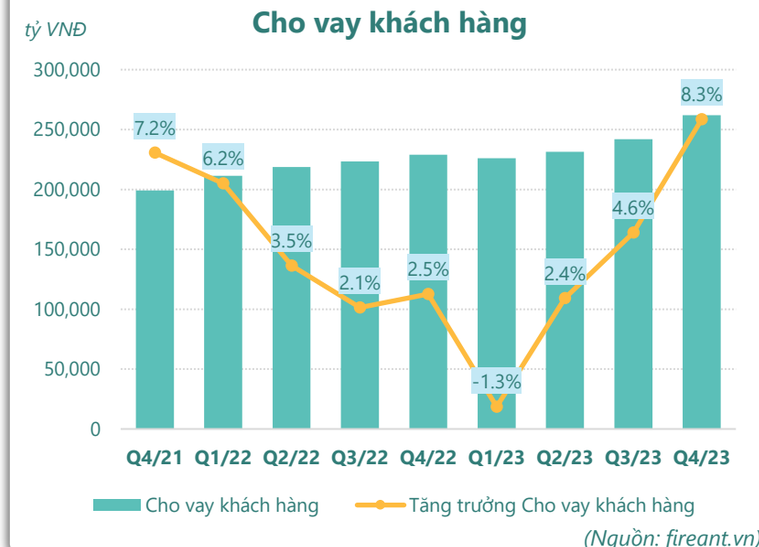
(Nguồn: fireant.vn)

Tiền gửi khách hàng



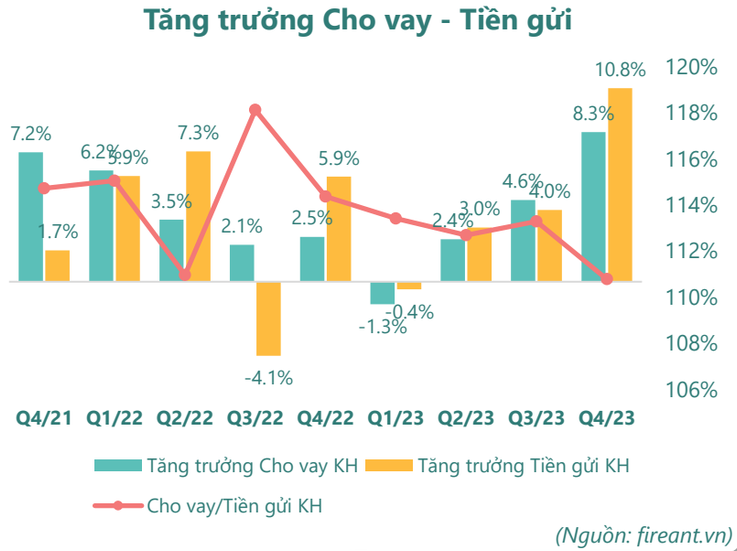
(Nguồn: fireant.vn)

Cho vay khách hàng



(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng Cho vay - Tiền gửi



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Thu nhập lãi thuần	**4,333**	**3,911**	**10.8%**	**17,361**	**14,963**	**16.0%**
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	860	840	2.4%	3,327	3,188	4.3%
Lãi thuần từ KD ngoại hối	244	-51.8	572%	548	-275	299%
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	30.5	-97.2	131%	130	-176	174%
Lãi thuần từ HĐ khác	374	84.7	342%	792	355	123%
Lãi thuần từ góp vốn	0	0		3.35	2.90	15.5%
Tổng thu nhập HĐ (TOI)	**5,842**	**4,687**	**24.7%**	**22,160**	**18,058**	**22.7%**
Chi phí hoạt động	-1,771	-1,566	-13.0%	-6,611	-6,197	-6.7%
LN trước dự phòng	**4,072**	**3,120**	**30.5%**	**15,550**	**11,861**	**31.1%**
Chi phí dự phòng	-1,693	-353	-379%	-4,847	-1,280	-279%
LN trước thuế	**2,378**	**2,767**	**-14.0%**	**10,703**	**10,581**	**1.2%**
Thuế	-476	-550	13.4%	-2,141	-2,112	-1.3%
LN sau thuế	**1,902**	**2,217**	**-14.2%**	**8,562**	**8,469**	**1.1%**
LN ròng	**1,902**	**2,217**	**-14.2%**	**8,562**	**8,469**	**1.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

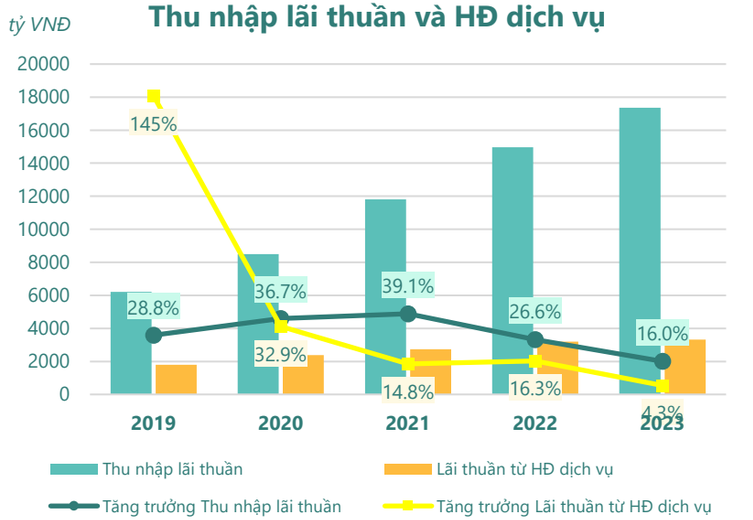
Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17,869	6,987	6,423	21,437	1,088	871
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-83.7	-73.7	-13.9	-59.1	-70.5	-73.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-2,108	-1,054	0.09	0
Tiền đầu kỳ	50,881	32,929	39,842	44,143	64,467	65,484
Lưu chuyển tiền thuần	**-17,952**	**6,913**	**4,301**	**20,324**	**1,017**	**797**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	32,929	39,842	44,143	64,467	65,484	66,281

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**409,881**	**342,799**	**19.6%**
Tiền và TĐ tiền	1,681	1,618	3.9%
Tiền gửi tại NHNN	8,218	10,063	-18.3%
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	68,198	51,900	31.4%
Chứng khoán kinh doanh	0	0	
Các CCPS và các TS TC khác	157	21.0	648%
Cho vay khách hàng	**262,074**	**228,879**	**14.5%**
Chứng khoán đầu tư	60,988	40,279	51.4%
Góp vốn đầu tư dài hạn	85.8	173	-50.3%
Tài sản cố định	756	700	8.1%
Bất động sản đầu tư	2.50	2.64	-5.3%
Tài sản có khác	7,720	9,165	-15.8%
Tổng nợ	**371,942**	**310,148**	**19.9%**
Các khoản nợ CP và NHNN	0	0	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	98,640	71,166	38.6%
Tiền gửi khách hàng	**236,577**	**200,124**	**18.2%**
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	6.93	8.09	-14.4%
Phát hành giấy tờ có giá	23,897	31,775	-24.8%
Các khoản nợ khác	12,821	7,075	81.2%
Vốn chủ sở hữu	**37,939**	**32,651**	**16.2%**
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	

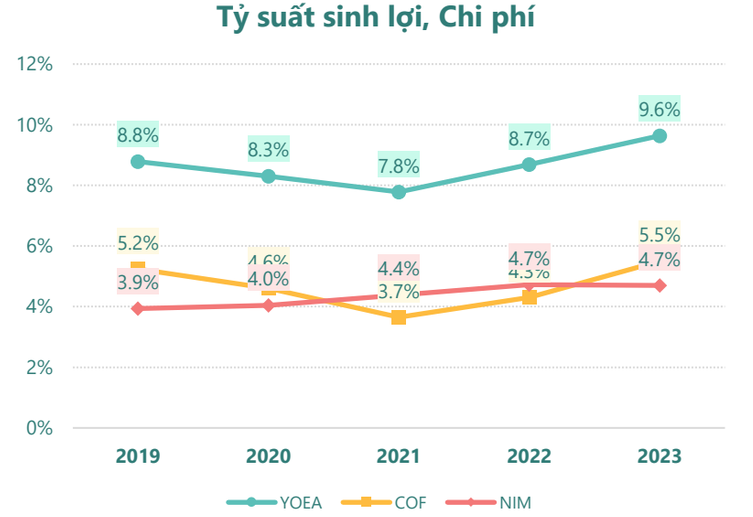
(Nguồn: fireant.vn)

Thu nhập lãi thuần và HĐ dịch vụ



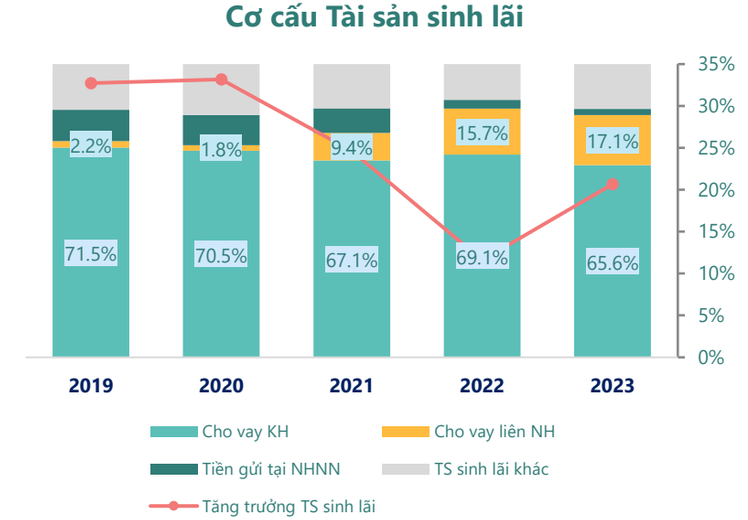
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi, Chi phí



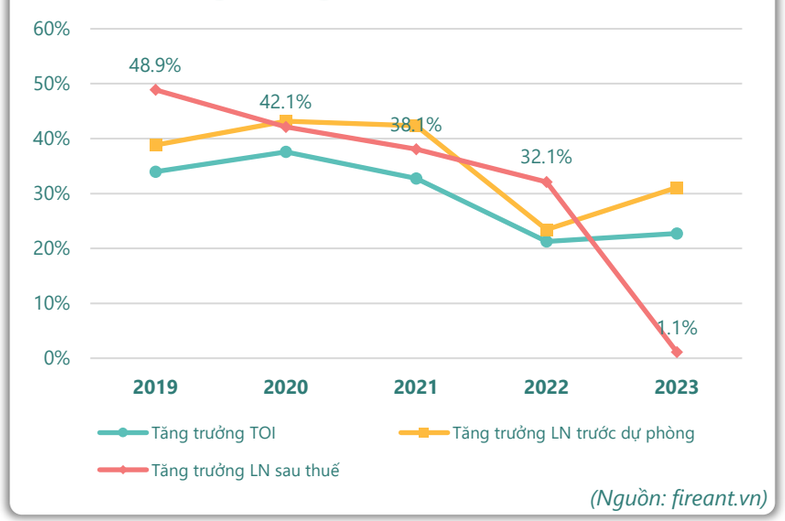
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản sinh lãi



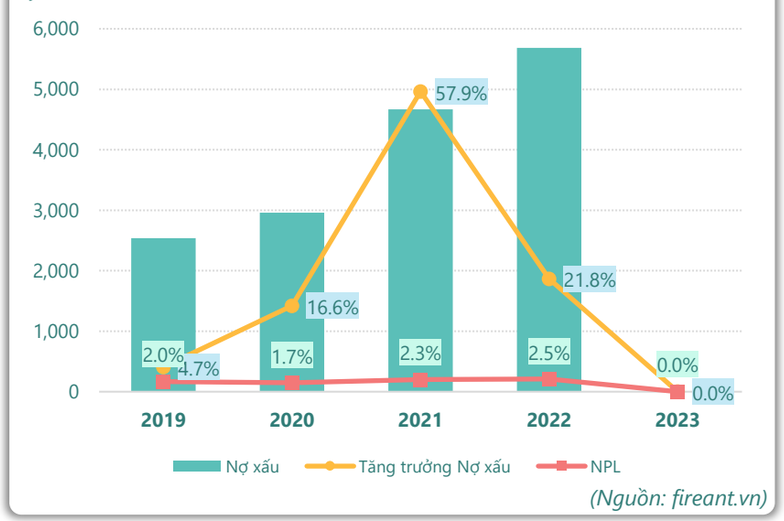
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng doanh thu lợi nhuận



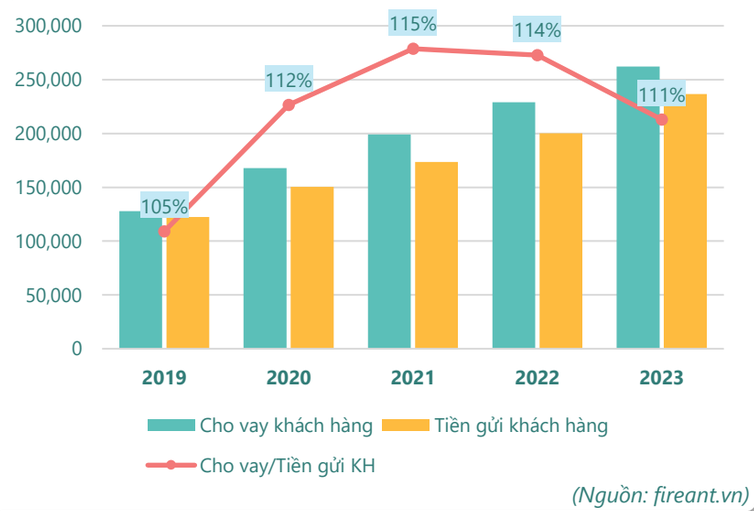
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ xấu



(Nguồn: fireant.vn)

Cho vay - Tiền gửi



(Nguồn: fireant.vn)